

NGHỊ QUYẾT

Về việc giảm dự toán kế hoạch năm 2022 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và nguồn thu xổ số kiến thiết do tỉnh quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền, địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 09/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 về điều chỉnh kế hoạch năm 2022 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 42/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về điều chỉnh kế hoạch năm 2022 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất cấp tỉnh quản lý;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 61/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 về điều chỉnh vốn ngân sách địa phương kế hoạch năm 2022 và kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 3) nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất do tỉnh quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Điều chỉnh giảm dự toán kế hoạch năm 2022 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và nguồn thu xổ số kiến thiết do tỉnh quản lý với các nội dung như sau:

I. Nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý:

1. Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thành phố Đông Hà:

Tổng số vốn điều chỉnh giảm là **138.974.483.966 đồng**

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

2. Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất giao cho nhà đầu tư sử dụng:

Tổng số vốn điều chỉnh giảm là **65.335.662.000 đồng**

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

II. Nguồn thu xổ số kiến thiết

Tổng số vốn điều chỉnh giảm là **1.313.373.000 đồng**

(Chi tiết theo phụ lục 2 kèm theo).

III. Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại KKT thương mại đặc biệt Lao Bảo:

1. Điều chỉnh giảm vốn 01 dự án với số vốn giảm là 47.190.000 đồng.

2. Điều chỉnh tăng vốn 01 dự án với số vốn giảm là 47.190.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 3 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC DỰ ÁN NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT GIẢM DỰ TOÁN KẾ HOẠCH NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Đồng

| STT | NGUỒN VỐN/ DANH MỤC DỰ ÁN | CHỦ ĐẦU TƯ | KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 | SỐ VỐN NHẬP TABMIS THEO VĂN BẢN SỐ 368/STC-ĐT NGÀY 10/02/2023 CỦA SỞ TÀI CHÍNH | TỔNG SỐ VỐN ĐỀ NGHỊ GIẢM KH NĂM 2022 | TRONG ĐÓ | | | |
|----------|--|-----------------------|-----------------------|--|--------------------------------------|--|--|--|---|
| | | | | | | GIẢM KH ĐÃ GIAO TẠI NQ 159/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2021 | GIẢM KH ĐÃ GIAO TẠI NQ 09/NQ-HĐND NGÀY 15/4/2022 | GIẢM KH ĐÃ GIAO TẠI NQ 42/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2022 | GIẢM KH ĐÃ GIAO TẠI NQ 61/NQ-HĐND NGÀY 18/10/2022 |
| | TỔNG SỐ | | 710.000.000.000 | 505.689.854.034 | 204.310.145.966 | 88.765.959.966 | 85.607.049.000 | 758.260.000 | 29.178.877.000 |
| I | NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ờ | | 450.000.000.000 | 311.025.516.034 | 138.974.483.966 | 46.429.824.966 | 85.607.049.000 | 758.260.000 | 6.179.350.000 |
| 1 | Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất | | 67.500.000.000 | 46.654.000.034 | 20.845.999.966 | 20.845.999.966 | | | |
| 2 | Bố trí các công trình phát triển quỹ đất | | 173.400.000.000 | 119.403.000.000 | 53.997.000.000 | 14.050.951.000 | 39.946.049.000 | - | - |
| - | Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 1.700.000.000 | 1.482.438.000 | 217.562.000 | 217.562.000 | | | |
| - | Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 | | | | | |
| - | Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3 | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | | | | | |
| - | Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 110.400.000.000 | 70.656.288.000 | 39.743.712.000 | | 39.743.712.000 | | |
| - | Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 12.000.000.000 | 9.666.611.000 | 2.333.389.000 | 2.333.389.000 | | | |
| - | Khu đô thị Tân Vĩnh | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 20.000.000.000 | 8.500.000.000 | 11.500.000.000 | 11.500.000.000 | | | |
| - | Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 1.300.000.000 | 1.097.663.000 | 202.337.000 | | 202.337.000 | | |
| 3 | Bố trí cho các công trình phát triển KTXH khác | | 209.100.000.000 | 144.968.516.000 | 64.131.484.000 | 11.532.874.000 | 45.661.000.000 | 758.260.000 | 6.179.350.000 |
| - | Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 87.323.000.000 | 50.500.000.000 | 36.823.000.000 | | 36.823.000.000 | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|--|----------------|----------------|---------------|---------------|---------------|------------|---------------|
| - | Cầu qua sông Nhùng và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng | BQL DA ĐTXD & PTQĐ huyện Hải Lăng | 2.600.000.000 | 2.498.226.000 | 101.774.000 | 101.774.000 | | | |
| - | Cầu Kênh mới, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh | Sở Giao thông vận tải | 2.050.000.000 | 1.991.740.000 | 58.260.000 | | | 58.260.000 | |
| - | Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9) | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 28.000.000.000 | 19.322.000.000 | 8.678.000.000 | | 8.678.000.000 | | |
| - | Hỗ trợ ưu đãi đầu tư | | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | | | |
| - | Cầu Bến Lội, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Triệu Phong | 6.000.000.000 | 1.765.800.000 | 4.234.200.000 | 4.234.200.000 | | | |
| - | Đường nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị) | Ban Quản lý KKT tỉnh | 6.321.542.000 | 6.150.000.000 | 171.542.000 | 171.542.000 | | | |
| - | Đường nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị) - Phần đền bù GPMB do UBND huyện Triệu Phong thực hiện | UBND huyện Triệu Phong | 1.678.458.000 | - | 1.678.458.000 | 1.678.458.000 | | | |
| - | Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị | Ban QLDA ĐTXD tỉnh | 7.275.000.000 | 1.095.650.000 | 6.179.350.000 | | | | 6.179.350.000 |
| - | Hỗ trợ các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới | Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng | 16.000.000.000 | 16.000.000.000 | | | | | |
| - | Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao ĐT575a với quốc lộ 9) | UBND huyện Gio Linh | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | | | | | |
| - | Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông tại nút giao ngã tư Km32+870/QLô 9D-Đường Trần Phú, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh | Ban ATGT tỉnh | 195.000.000 | 195.000.000 | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|--|---|---------------|---------------|---------------|---------------|-------------|-------------|--|
| - | Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông tại nút giao ngã ba Km80+500/QLô 9-Đường Lê Thế Tiết, thị trấn Lao Bảo huyện Hướng Hóa | Ban ATGT tỉnh | 149.000.000 | 149.000.000 | | | | | |
| - | Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông tại nút giao ngã tư Km3+890/QLô 9-Đường Nguyễn Đình Chiểu-đường Nguyễn Văn Tường, TP Đông Hà | Ban ATGT tỉnh | 199.000.000 | 199.000.000 | | | | | |
| - | Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông tại nút giao ngã tư Km63+400/QLô 9-Đường HCM nhánh Tây, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa | Ban ATGT tỉnh | 182.000.000 | 182.000.000 | | | | | |
| - | GPMB khu vực hồ nuôi tôm Lập Thạch, phường 2, thành phố Đông Hà | UBND thành phố Đông Hà | 7.277.000.000 | 7.277.000.000 | | | | | |
| - | Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh | Ban ATGT tỉnh | 3.600.000.000 | 3.462.842.000 | 137.158.000 | 137.158.000 | | | |
| - | Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà | Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà | 7.400.000.000 | 6.995.983.000 | 404.017.000 | 404.017.000 | | | |
| - | Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ) | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 7.500.000.000 | 7.340.000.000 | 160.000.000 | | 160.000.000 | | |
| - | Công viên đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà | Trung tâm PTQĐ tỉnh | 400.000.000 | 116.000.000 | 284.000.000 | 284.000.000 | | | |
| - | Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong | Trung tâm Quan trắc TTN&MT tỉnh Quảng Trị | 3.950.000.000 | 3.250.000.000 | 700.000.000 | | | 700.000.000 | |
| - | Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, TP Đông Hà | Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà | 5.000.000.000 | 4.562.877.000 | 437.123.000 | 437.123.000 | | | |
| - | Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông | Ban QLDA ĐTXD tỉnh | 5.000.000.000 | 3.519.898.000 | 1.480.102.000 | 1.480.102.000 | | | |

| | | | | | | | | | |
|-----------|--|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|---|---|-----------------------|
| - | Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn | Trung tâm nước sạch và VSMTNT | 7.000.000.000 | 5.395.500.000 | 1.604.500.000 | 1.604.500.000 | | | |
| II | NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ, ĐẦU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG | | 260.000.000.000 | 194.664.338.000 | 65.335.662.000 | 42.336.135.000 | - | - | 22.999.527.000 |
| 1 | Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất | | 39.000.000.000 | 29.198.854.000 | 9.801.146.000 | 9.801.146.000 | | | |
| 2 | Các dự án phát triển KTXH | | 221.000.000.000 | 165.465.484.000 | 55.534.516.000 | 32.534.989.000 | - | - | 22.999.527.000 |
| - | Hệ thống tưới tiêu toàn tỉnh | | | | - | | | | |
| | + Kênh tiêu Như Lệ, xã Hải Lệ, TXQT | UBND TX Quảng Trị | 1.400.000.000 | 1.148.423.000 | 251.577.000 | 251.577.000 | | | |
| | + Kênh tiêu úng Nam Hùng- Nghĩa Hy- Thiết Tràng Thị trấn Cam Lộ và Tân Trúc - Vĩnh An xã Cam Hiếu huyện Cam Lộ | UBND huyện Cam Lộ | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | | | | | |
| | + Nâng cấp hồ chứa nước thị trấn Gio Linh | UBND huyện Gio Linh | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 | | | | | |
| | + Kênh tiêu úng Mụ Cheo xã Triệu Sơn | UBND huyện Triệu Phong | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | | | | | |
| - | Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới | BQLDA, PTQĐ và CCN huyện Cam Lộ | 3.000.000.000 | - | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | | | |
| - | Cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với Trung tâm thành phố Đông Hà | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 11.553.000.000 | 11.553.000.000 | | | | | |
| - | Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2) | BQL KKT | 3.900.000.000 | 3.900.000.000 | | | | | |
| - | Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng (giai đoạn 1) | UBND huyện Hải Lăng | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | | | | | |
| - | Hệ thống thủy lợi Ba Hồ Bản Chùa | Ban QLDA ĐTXD tỉnh | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | | | | | |
| - | Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong | UBND huyện Triệu Phong | 7.500.000.000 | 7.500.000.000 | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|--|--|----------------|----------------|--|--|--|--|--|
| - | Đường gom từ các lối tự mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022 | Ban ATGT tỉnh | 10.300.000.000 | 10.300.000.000 | | | | | |
| - | Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | Ban ATGT tỉnh | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | | | | | |
| - | Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà | Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà | 4.682.000.000 | 4.682.000.000 | | | | | |
| - | Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng) | Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà | 9.700.000.000 | 9.700.000.000 | | | | | |
| - | Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Đakrông | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | | | | | |
| - | Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hướng Hóa | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | | | | | |
| - | Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2) | BCH Quân sự tỉnh | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 | | | | | |
| - | Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đôn, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ) | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Quảng Trị | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | | | | | |
| - | Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt; hạng mục sân nền và sân bãi đỗ xe | Sở Giao thông vận tải | 693.473.000 | 693.473.000 | | | | | |
| - | Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh | BQL DA đầu tư xây dựng tỉnh | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | | | | | |
| - | Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại | | 9.672.000.000 | 9.672.000.000 | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|--|--------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--|--|----------------|
| - | Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn | | 4.000.000.000 | 3.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | | | |
| - | Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1 đến cảng Cửa Việt | Ban QLDA ĐTXD tỉnh | 54.000.000.000 | 25.716.588.000 | 28.283.412.000 | 28.283.412.000 | | | |
| - | Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1 | Ban QLDA ĐTXD tỉnh | 52.999.527.000 | 30.000.000.000 | 22.999.527.000 | | | | 22.999.527.000 |

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2022 NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI KKT TM ĐẶC BIỆT LAO BẢO
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Đồng

| STT | NGUỒN VỐN/ DANH MỤC DỰ ÁN | CHỦ ĐẦU TƯ | KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 | ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+); GIẢM (-) | | KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH | GHI CHÚ |
|-----|---|---------------------------------|--------------------------|----------------------------------|------------|--|---------|
| | NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT TM ĐẶC BIỆT LAO BẢO | | | | | | |
| - | Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2) | Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh | 817.000.000 | 47.190.000 | | 864.190.000 | |
| - | Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang giai đoạn 1 | Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh | 3.033.000.000 | | 47.190.000 | 2.985.810.000 | |